

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 24/2015/TT-BTTTT NGÀY 18 THÁNG 8 NĂM 2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN INTERNET

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet) như sau:

1. Bổ sung các khoản 15, 16, 17, 18 tại Điều 2 như sau:

“15. *Thành viên địa chỉ* là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam).

16. *Tạm ngừng hoạt động tên miền* là việc áp dụng biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngừng hoạt động của tên miền trên Internet hoặc ngăn chặn truy cập tới nguồn thông tin vi phạm trong một khoảng thời gian, phục vụ công tác xử lý vi phạm và công tác quản lý về tài nguyên Internet.

17. *Thu hồi tên miền* là việc áp dụng biện pháp kỹ thuật cần thiết để xóa bỏ quyền sử dụng tên miền của chủ thể, phục vụ công tác xử lý vi phạm và công tác quản lý về tài nguyên Internet.

18. *Giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền* là việc áp dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc thay đổi chủ thể đăng ký sử dụng hoặc thay đổi Nhà đăng ký quản lý tên miền để phục vụ công tác xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp tên miền.”

2. Bổ sung khoản 6 tại Điều 3 như sau:

“6. Chủ thể cá nhân là công dân Việt Nam từ 18 đến 23 tuổi được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới “.id.vn”. Chủ thể tổ chức là doanh nghiệp mới thành lập, hộ kinh doanh được ưu tiên, hỗ trợ trong đăng ký sử dụng tên miền cấp 3 dưới “.biz.vn”.”

3. Bổ sung khoản 9, khoản 10 tại Điều 4 như sau:

“9. Thực hiện nhiệm vụ của Tổ chức quản lý tên miền cấp cao mã quốc gia (Registry) trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”.

10. Thực hiện cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” trong các trường hợp không có sự tham gia của doanh nghiệp làm Nhà đăng ký tên miền “.vn” để đảm bảo quyền lợi của chủ thể và yêu cầu của công tác quản lý, phát triển tên miền “.vn”.”

4. Sửa đổi tên Chương II như sau:

“Chương II: ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÊN MIỀN THUỘC QUYỀN QUẢN LÝ CỦA VIỆT NAM”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

a) Thay thế cụm từ “không dấu” bằng cụm từ “.vn” tại các khoản 2, 3, 5, 6.

b) Sửa đổi điểm m khoản 3 như sau:

“m) NAME.VN dành cho các tổ chức, cá nhân đăng ký theo tên gọi như tên đầy đủ, tên viết tắt, tên thương mại, tên bí danh... của tổ chức, cá nhân;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm n và bổ sung các điểm o, p, q tại khoản 3 như sau:

“n) ID.VN: Dành cho cá nhân là công dân Việt Nam đăng ký để sử dụng cho các hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu cá nhân trên môi trường mạng;

o) IO.VN: Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký để sử dụng cho các ứng dụng công nghệ, nền tảng, dịch vụ trên môi trường mạng;

p) AI.VN: Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký để sử dụng cho các hoạt động, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực trí tuệ nhân tạo;

q) Những tên miền khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.”

d) Bổ sung, sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Tên miền cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có dấu hoặc có dấu và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hanoi.vn, hanoi.vn, haiphong.vn, haiphong.vn ...).”

đ) Bãi bỏ khoản 7.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đăng ký tên miền”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tên miền do tổ chức, cá nhân tự chọn để đăng ký, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có các cụm từ xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia hoặc vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục của dân tộc;

b) Rõ ràng, nghiêm túc, không gây hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt;

c) Tổ chức, cá nhân không liên quan không đăng ký sử dụng tên miền là tên gọi của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam...);

d) Tổ chức, cá nhân không liên quan không đăng ký sử dụng các tên miền liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng, ngoại giao của đất nước;

đ) Đối với tên miền “.vn” đăng ký: Có ít nhất một hoặc một dãy ký tự dưới tên miền cấp cao “.vn”. Được chứa các ký tự từ a đến z; 0 đến 9; các ký tự tiếng Việt và các ký tự được hệ thống máy chủ tên miền chấp nhận không phân biệt viết hoa hay viết thường. Được chứa dấu gạch nối nhưng không được bắt đầu hoặc kết thúc với ký tự này và không được có hai dấu gạch nối đi liền nhau trong tên miền. Ở mỗi cấp không được nhiều hơn 63 ký tự (đối với tên miền tiếng Việt, số lượng ký tự được tính theo chiều dài sau chuyển đổi thành chuỗi không dấu ASCII);

e) Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

g) Không phải là tên miền có các cụm từ dễ gây nhầm lẫn là trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội nếu chủ thể đăng ký sử dụng không phải đối tượng được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội theo quy định của pháp luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 tại Điều 8 như sau:

“2. Các tổ chức Đảng; các tổ chức chính trị - xã hội quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; các cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 13 có trách nhiệm đăng ký, giữ chỗ bảo vệ các tên miền có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam).”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6, khoản 7 tại Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký tên miền “.vn”.

Chủ thể nộp hồ sơ đăng ký tên miền được xác minh thông qua chữ ký số trong hồ sơ đăng ký tên miền hoặc giải pháp công nghệ thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự đầy đủ, khớp đúng giữa thông tin nhận biết khách hàng và thông tin, dữ liệu trên hồ sơ điện tử. Nhà đăng ký tên miền “.vn” có trách nhiệm xác thực thông tin chủ thể và đảm bảo sự đầy đủ, tính chính xác của hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền.

Đối với hồ sơ thay đổi thông tin chủ thể, hoàn trả tên miền, phải sử dụng chữ ký số của chủ thể đăng ký sử dụng tên miền.

b) Nộp trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn” hoặc gửi hồ sơ đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn” trong trường hợp không có khả năng sử dụng phương thức trực tuyến.

Trong trường hợp chủ thể đăng ký tên miền là cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền khi nộp hồ sơ trực tiếp cần xuất trình một trong các giấy tờ: Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu. Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính cần gửi kèm theo bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ nêu trên của chủ thể đứng tên đăng ký tên miền.

c) Các Nhà đăng ký tên miền “.vn” thực hiện sao lưu, chuyển hồ sơ điện tử về Trung tâm Internet Việt Nam và triển khai các biện pháp bảo vệ, dự phòng dữ liệu, hồ sơ phục vụ quản lý tập trung và đảm bảo hồ sơ, dữ liệu tên miền.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng tên miền được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà dẫn tới sự thay đổi về chủ thể đăng ký sử dụng tên miền;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc có hoạt động mua bán doanh nghiệp, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về chủ thể đăng ký sử dụng tên miền;

d) Cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp đề nghị đổi tên chủ thể theo quy định tại khoản 6 Điều này, ngoài Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, chủ thể nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng tên miền.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 11 như sau:

“Điều 11. Căn cứ và thủ tục tạm ngừng hoạt động tên miền”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Các căn cứ tạm ngừng hoạt động tên miền:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra khi tiến hành các hoạt động nghiệp vụ để ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an ninh thông tin trong hoạt động bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

b) Theo quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về thông tin và truyền thông khi tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc khi tiến hành các hoạt động phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành khác có thẩm quyền để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật;

c) Tên miền “.vn” hết hạn sử dụng theo quy định mà chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện việc nộp phí duy trì tên miền;

d) Các trường hợp tên miền không xác định được chủ thể đăng ký sử dụng; tên miền có thông tin đăng ký không chính xác; các trường hợp chủ thể đăng ký sử dụng tên miền không phù hợp yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông liên quan đến đăng ký, sử dụng tên miền.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này:

a) Thời gian tạm ngừng hoạt động tên miền được nêu cụ thể trong quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính hoặc trong văn bản yêu cầu tạm ngừng hoạt động tên miền của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đối với tên miền “.vn”: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền, Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; đồng thời yêu cầu Nhà đăng ký tên miền “.vn” gửi văn bản thông báo về việc tạm ngừng tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Trung tâm Internet Việt Nam có thông báo tạm ngừng hoạt động tên miền;

c) Đối với tên miền quốc tế: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu đồng thời gửi văn bản thông báo về việc tạm ngừng tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Kể từ ngày hết hạn sử dụng, tên miền bị tự động tạm ngừng hoạt động. Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện tạm ngừng hoạt động tên miền trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia.

b) Trong thời gian 25 ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền nộp phí duy trì tên miền theo quy định thì sẽ được tiếp tục sử dụng tên miền đã đăng ký.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

a) Sau 15 ngày kể từ ngày các cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông, Trung tâm Internet Việt Nam hoặc Nhà đăng ký yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin mà chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện, tên miền bị tạm ngừng hoạt động trong thời gian 30 ngày. Nhà đăng ký gửi thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến chủ thể tên miền trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi tên miền tạm ngừng hoạt động;

b) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền cập nhật, bổ sung hoặc hoàn thiện thông tin, tên miền được gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động.”

e) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Sau thời gian tạm ngừng, Trung tâm Internet Việt Nam, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam đưa tên miền vào hoạt động trở lại nếu tên miền không thuộc các trường hợp phải thực hiện việc thu hồi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thủ tục thu hồi tên miền”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, đ, e, g khoản 1 như sau:

“a) Theo văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài hoặc theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền;”

“đ) Sau 25 ngày, kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Thông tư này, chủ thể đăng ký tên miền không nộp phí duy trì tên miền theo quy định;”

“e) Tên miền vi phạm nguyên tắc đặt tên quy định tại khoản 2 Điều 6; tên miền vi phạm quy định về bảo vệ tên miền tại Điều 8 hoặc sau 30 ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động đối với các trường hợp không xác định được chủ thể đăng ký sử dụng tên miền; tên miền có thông tin đăng ký không chính xác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư này mà chủ thể không bổ sung, cập nhật, hoàn thiện thông tin đăng ký;”

“g) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền của các cơ quan có thẩm quyền như quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 và trường hợp thu hồi tên miền như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này:

a) Đối với tên miền “.vn”: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền, Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện việc ngừng hoạt động và thu hồi tên miền. Nhà đăng ký gửi văn bản thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm Internet Việt Nam có thông báo thu hồi tên miền;

b) Đối với tên miền quốc tế: các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam phối hợp với tổ chức quản lý đuôi tên miền cấp cao quốc tế thực hiện việc thu hồi tên miền trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, văn bản yêu cầu thu hồi tên miền. Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền đồng thời báo cáo lại kết quả thực hiện thu hồi tên miền tới cơ quan yêu cầu thu hồi tên miền.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện việc ngừng hoạt động, xử lý thu hồi tên miền trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia và thông báo tới các Nhà đăng ký tên miền “.vn” về việc thu hồi tên miền. Các Nhà đăng ký tên miền “.vn” thông báo việc thu hồi tên miền cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi tên miền.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm thu hồi tên miền “.vn”, nếu các tên miền thu hồi không thuộc các trường hợp vi phạm quy định đăng ký tên miền tại Điều 6 Thông tư này, Trung tâm Internet Việt Nam đưa các tên miền bị thu hồi về trạng thái cho đăng ký tự do.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 tại Điều 13 như sau:

“1. Đối tượng được đăng ký tên miền dưới “.gov.vn” bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quy định tại các Luật: Tổ chức Quốc hội; Tổ chức Chính phủ; Tổ chức chính quyền địa phương; Tổ chức Tòa án nhân dân; Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Nghị định của Chính phủ;

b) Các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước nằm trong cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được quy định tại các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền “.vn”

1. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền “.vn” (Whois tên miền VN) là hệ thống do Trung tâm Internet Việt Nam xây dựng và quản lý, cung cấp công khai, trực tuyến các thông tin về tên miền “.vn”.

2. Thông tin về tên miền “.vn” trên hệ thống Whois tên miền VN bao gồm:

a) Tên miền;

b) Ngày đăng ký, ngày hết hạn;

- c) Tên cơ quan, tổ chức hoặc họ và tên của cá nhân;
- d) Nhà đăng ký quản lý tên miền;
- đ) Thông tin về máy chủ tên miền chuyển giao;
- e) Trạng thái tên miền;
- g) Thông tin khác phục vụ cho công tác quản lý tên miền “.vn”.

3. Thông tin quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 tại Điều 15 như sau:

“1. Việc chuyển đổi nhà đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện theo yêu cầu của chủ thể đăng ký sử dụng tên miền và khi có sự thống nhất của Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến. Khi có yêu cầu của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải thực hiện các thủ tục để chuyển đổi nhà đăng ký và không được gây cản trở khi chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong thỏa thuận về đăng ký, duy trì tên miền “.vn” với Nhà đăng ký. Trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu chuyển đổi nhà đăng ký tên miền của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải có văn bản trả lời cho chủ thể nêu rõ lý do từ chối.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Quản lý tên miền “.vn” trong quá trình giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm

1. Trung tâm Internet Việt Nam hoặc Nhà đăng ký tên miền “.vn” thực hiện giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền căn cứ vào văn bản yêu cầu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp có văn bản thống nhất đề nghị giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền của cả hai bên có tranh chấp tên miền, Trung tâm Internet Việt Nam xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Tên miền giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng không được đổi tên chủ thể, không được chuyển đổi nhà đăng ký, không được chuyển nhượng quyền sử dụng, không được trả lại tên miền.
4. Trường hợp văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài; bản án, quyết định của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì người được thi hành án (là nguyên đơn trong vụ việc giải quyết tranh chấp) được ưu tiên đăng ký trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày văn bản, quyết định, phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.

Việc xử lý thi hành quyết định của tòa án, trọng tài trong giải quyết tranh chấp tên miền được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Thời gian thông báo: Sau khi tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền quốc tế.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP (khuyến khích việc đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6) để sử dụng nội bộ hoặc cấp lại cho khách hàng có kết nối đến mạng cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (trong trường hợp được cung cấp dịch vụ Internet) và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoặc có hoạt động mua bán doanh nghiệp, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP.”

b) Bãi bỏ điểm c khoản 5.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Cấp, phân bổ địa chỉ IP

1. Đối tượng được đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP:

a) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này;

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu được cấp, phân bổ lại địa chỉ IPv4 từ vùng địa chỉ IPv4 sau hoàn trả hoặc thu hồi đã được Trung tâm Internet Việt Nam niêm yết đáp ứng các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư này;

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thay đổi tên chủ thể đăng ký trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 22 Thông tư này.

2. Cách thức thực hiện

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.mic.gov.vn hoặc dichvucong.gov.vn.

Trường hợp không có khả năng nộp trực tuyến, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam), địa chỉ: Tòa nhà VNTA đường Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản khai đăng ký địa chỉ IP theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) quyết định thành lập hoặc các loại Giấy chứng nhận hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Doanh nghiệp năm 2014 (trong trường hợp không có Mã số doanh nghiệp);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng địa chỉ IP (đối với trường hợp thay đổi tên chủ thể).

4. Trường hợp đồng thời xin cấp cả địa chỉ IP và số hiệu mạng thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phí, lệ phí đầy đủ, hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) có trách nhiệm cấp, phân bổ địa chỉ IP cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 10a ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Khi có vùng địa chỉ IPv4 thu hồi hoặc được hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

a) Trung tâm Internet Việt Nam niêm yết thông tin về vùng địa chỉ IP và thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ lại vùng địa chỉ IP tại website www.diachiip.vn;

b) Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này và theo quy trình, thủ tục quy định tại Điều 23 Thông tư này.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Trung tâm Internet Việt Nam được quyền đề

ngộ cấp, phân bổ số hiệu mạng và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng trong các trường hợp sau:

- a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng;
- c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoặc có hoạt động mua bán doanh nghiệp, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng.”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Thủ tục cấp, phân bổ số hiệu mạng

1. Đối tượng đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng:

- a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) được đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này;
- b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) được quyền đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này.

3. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản khai đăng ký số hiệu mạng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ khác chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng số hiệu mạng (đối với trường hợp thay đổi tên chủ thể).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) có trách nhiệm cấp, phân bổ số hiệu mạng cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 11a ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Địa chỉ IP, số hiệu mạng thuộc trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 22 và khoản 4 Điều 25 Thông tư này. Các trường hợp không xác định được chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng do mạo danh đăng ký, thông tin đăng ký không chính xác.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) thực hiện việc thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng; thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Trường hợp địa chỉ IP phải thu hồi thuộc vùng địa chỉ do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đã cấp cho khách hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi vùng địa chỉ đã cấp cho khách hàng.”

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:

“5. Chỉ các thành viên địa chỉ có giấy phép cung cấp dịch vụ Internet mới được cấp phát lại địa chỉ IP thuộc vùng IP mà mình đã được phân bổ cho khách hàng sử dụng dịch vụ của thành viên địa chỉ.”

23. Bổ sung Điều 29a sau Điều 29 như sau:

“Điều 29a. Hệ thống tra cứu thông tin địa chỉ IP, số hiệu mạng (ASN) Việt Nam.

1. Hệ thống tra cứu thông tin IP, ASN Việt Nam (Whois IP/ASN) là hệ thống do Trung tâm Internet Việt Nam xây dựng và quản lý, cung cấp công khai, trực tuyến các thông tin về IP, ASN Việt Nam và chủ thể.

2. Thông tin về IP, ASN Việt Nam trên hệ thống Whois IP/ASN bao gồm:

a) Địa chỉ IP, ASN;

b) Tên cơ quan, tổ chức;

c) Tên mạng của cơ quan, tổ chức;

d) Trạng thái IP, ASN và các thông tin phục vụ cho quản lý hoạt động của IP/ASN Việt Nam.

3. Thông tin quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet; Thông tin khác được cung cấp theo nhóm đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý và sử dụng địa chỉ IP, ASN.”

24. Bổ sung, thay thế một số phụ lục sau đây:

- a) Thay thế Phụ lục 3.
- b) Thay thế Phụ lục 10.
- c) Bổ sung Phụ lục 10a vào sau Phụ lục 10.
- d) Thay thế Phụ lục 11.
- đ) Bổ sung Phụ lục 11a vào sau Phụ lục 11.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2022
2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này, các Nhà đăng ký tên miền “.vn” hoàn tất việc sao lưu, chuyển hồ sơ điện tử về Trung tâm Internet Việt Nam đối với các tên miền “.vn” được đăng ký trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.
3. Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VNNIC (400).

Nguyễn Mạnh Hùng

5. Người quản lý tên miền (người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là chủ tên miền)

Họ và tên *

Số CMTND/Số CCCD/Hộ chiếu *

Địa chỉ *

Tỉnh/thành phố *

Quốc gia *

Số điện thoại *

Email *

Postcode:

6. Người quản lý kỹ thuật

Họ và tên *

Địa chỉ *

Tỉnh/thành phố *

Quốc gia *

Số điện thoại *

Fax

Email *

Postcode

7. Người thanh toán

Họ và tên *

Địa chỉ *

Tỉnh/thành phố *

Quốc gia *
Số điện thoại *
Fax
Email *
Postcode

Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày ... tháng năm
Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền
*(Người đại diện theo pháp luật ký tên và
đóng dấu)*

Lưu ý: - Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN “.VN”

(Dành cho cá nhân)

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền “.vn”

1. Tên miền đăng ký
2. NDK quản lý tên miền
3. Máy chủ DNS chuyên giao	Tên DNS Primary:
<i>(Lưu ý: Mục này bắt buộc phải khai báo đầy đủ tối thiểu 02 máy chủ)</i>	Địa chỉ IP (nếu là máy chủ tự dựng):
	Tên DNS Secondary :

	Địa chỉ IP (nếu là máy chủ tự dựng):

4. Thông tin chủ thể đăng ký sử dụng tên miền
Họ và tên Chủ thể *
Năm sinh *
Số CMTND/Số CCCD/Hộ chiếu *
Địa chỉ *
Tỉnh/thành phố *
Quốc gia)*
Số điện thoại *
Email *
Postcode:

Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày tháng năm.....
Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: - Các thông tin có dấu (*) là bắt buộc

Phụ lục 10: Bản khai đăng ký địa chỉ IP (hoặc IP và ASN)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ ĐỊA CHỈ IP (hoặc IP VÀ ASN)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin về cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng IP (hoặc IP và ASN)	Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp: Tên mạng (netname) thành viên: <i>(netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có)</i> Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại/fax: Email: Abuse-mailbox: Website: Mã số doanh nghiệp: Ghi chú:
2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng IP/ASN	Họ và tên: Số CMTND/Số CCCD/Hộ chiếu: Địa chỉ: Tỉnh/thành phố: Số điện thoại: Email:
3. Thông tin về người chịu trách nhiệm của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp trong việc quản lý IP/ASN	Người chịu trách nhiệm quản lý IP/ASN: Họ tên: Chức vụ: Số điện thoại/fax: Email:

	<p>Người quản lý kỹ thuật:</p> <p>Họ tên:</p> <p>Chức vụ:</p> <p>Số điện thoại/fax:</p> <p>Email:</p>
<p>4. Vùng địa chỉ IP/ASN có đề nghị cấp</p>	<p><input type="checkbox"/> Trường hợp 1 - đăng ký mới:</p> <p>IPv4/IPv6/ASN:</p> <p><i>(VD: /23 IPv4, /48 IPv6 hoặc /32 IPv6, 01 ASN)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Trường hợp 2 - đăng ký tái cấp IPv4:</p> <p><i>(Nêu rõ thông tin vùng IP đang được Trung tâm Internet Việt Nam niêm yết)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Trường hợp 3 - đổi tên chủ thể sử dụng:</p> <p><i>(Nêu rõ thông tin vùng IP/ASN có nhu cầu đổi tên chủ thể)</i></p>
<p>5. Hiện trạng sử dụng các vùng IP đã được cấp</p>	<p>Tổng địa chỉ IP đã được cấp:</p> <p>Tỷ lệ % IP đã sử dụng:</p> <p>Thông tin bổ sung:</p> <p>.....</p>
<p>6. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hiện có đề nghị cấp</p>	<p><i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP có nhu cầu nghị cấp tại đây)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng địa chỉ sử dụng nội bộ thời điểm sử dụng hết - Vùng địa chỉ sử dụng cho dịch vụ thời điểm sử dụng hết ... <p>VD:</p>

	01/24 IPv4 và 01/56 IPv6 Hệ thống, dịch vụ CNTT nội bộ tháng .../202.... 01/24 IPv4 và 01/48 IPv6 Dịch vụ FTTH tại HN tháng .../202...
7. Thông tin kết nối <i>(thông tin đường truyền kết nối Internet)</i>	Đường truyền kết nối Internet 1: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) Đường truyền kết nối Internet 2: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) VD: Đường truyền kết nối Internet 1: VNPT (AS45899) Đường truyền kết nối Internet 2: VNIX (AS23902)
8. Thông tin liên hệ nộp phí duy trì, sử dụng địa chỉ	Đơn vị thanh toán: Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: Địa chỉ thanh toán: Điện thoại/Fax: Email:

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký địa chỉ IP cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của tổ chức đăng ký

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

Xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp

đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ

IP/ASN*

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

Lưu ý:

- Yêu cầu bắt buộc khai toàn bộ các trường thông tin.

- Địa chỉ email của các cá nhân đã đăng ký tại mục 3 sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với Trung tâm Internet Việt Nam liên quan tới địa chỉ IP, ASN đã cấp, phân bổ.

- * Trường hợp thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ IP/ASN, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ IP/ASN.

Phụ lục 10a: Mẫu Quyết định cấp IP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM INTERNET
VIỆT NAM**

Số: /QĐ-VNNIC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Cấp phát địa chỉ IP/ASN cho <Công ty ABC>

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM

Căn cứ Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

Căn cứ Thông tư số/2021/TT-BTTTT ngày .../.../2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTTTT ngày 13/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Internet Việt Nam;

Xét đề nghị của <Công ty ABC> và theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phát cho <Công ty ABC> 01 vùng địa chỉ IPv4 (hoặc/và IPv6) độc lập sau đây:

...../.....

(Tên mạng: <NETNAME>-VN)

Điều 2. <Công ty ABC> có trách nhiệm đưa vùng địa chỉ được cấp phát vào sử dụng tuân thủ theo các Quy định hiện hành về việc quản lý và sử dụng địa chỉ IP của Việt Nam: tự xây dựng chính sách định tuyến cho vùng địa chỉ của mình; khai báo tên miền ngược đầy đủ; triển khai IPv6 bám sát mục tiêu chung quốc gia; phối hợp giải quyết spam khi có yêu cầu; cập nhật thông tin sử dụng địa chỉ kịp thời cho Trung tâm Internet Việt Nam và nộp phí duy trì sử dụng hàng năm theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Hợp tác - Quản lý tài nguyên; Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; Trưởng Đài DNS và VNIX trực thuộc Trung tâm Internet Việt Nam và <Công ty ABC> chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

....

- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11: Bản khai đăng ký số hiệu mạng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ SỐ HIỆU MẠNG

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin thành viên	Tên thành viên:
	Tên mạng thành viên đã được cấp:

2. Số hiệu mạng đề nghị cấp
(hoặc điều chuyển)

Chọn loại đăng ký:

Trường hợp 1 - đăng ký mới

Trường hợp 2 - đổi tên chủ thể: AS

(Nêu rõ thông tin ASN đổi tên chủ thể)

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký số hiệu mạng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của tổ chức đăng ký

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

**Xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp
đang đứng tên quản lý ASN***

(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

*: Trường hợp thay đổi tên chủ thể sử dụng số hiệu mạng, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý số hiệu mạng.

Phụ lục 11a: Mẫu Quyết định cấp số hiệu mạng (ASN)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM INTERNET
VIỆT NAM

Số: /QĐ-VNNIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Cấp phát số hiệu mạng cho <.....>

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM

Căn cứ Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

Căn cứ Thông tư số/2021/TT-BTTTT ngày .../.../2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTTTT ngày 13/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Internet Việt Nam;

Theo đề nghị của <Công ty ABC> và xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phát cho <Công ty ABC> 01 số hiệu mạng sau đây:

AS.....

Điều 2. <Công ty ABC> có trách nhiệm quản lý và sử dụng số hiệu mạng được cấp; thường xuyên cập nhật thông tin theo yêu cầu của Trung tâm Internet Việt Nam. Việc quản lý và sử dụng số hiệu mạng phải tuân thủ theo các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Hợp tác - Quản lý tài nguyên; Trưởng Đài DNS và VNIX trực thuộc Trung tâm Internet Việt Nam và <Công ty ABC> chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....

- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)